

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính
trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 39/TTr-KCNKKT ngày 06 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này gồm 05 quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai (*Phụ lục Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai cập nhật các nội dung thủ tục hành chính; cấu hình quy trình điện tử được công bố theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh; thực hiện tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai thực hiện nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, cung cấp mã số hồ sơ kiểm thử để Sở Khoa học và Công nghệ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai; Giám đốc Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn

PHỤ LỤC
QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
I- LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG					
1. Cấp giấy phép môi trường. Mã thủ tục: 1.010727.000.00.00.H19 – Một phần					
a) Trường hợp 1: 20 ngày (Đối với trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải)					
<i>a1) Lưu đồ thẩm định: (Đối với trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải - Nộp hồ sơ thẩm định)</i>					
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ hợp lệ từ Nhà đầu tư - Số hóa hồ sơ - Chuyển hồ sơ về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày	Phụ lục Phí, lệ phí lĩnh vực Môi trường đính kèm	
Bước 2	- Phân công hồ sơ.	Lãnh đạo phòng QL Tài nguyên và Môi trường.	1 ngày		
Bước 3	- Kiểm tra hồ sơ: + Đủ điều kiện: . Dự thảo văn bản tham vấn ý kiến công ty hạ tầng, tổ chức khác theo quy định;	- Phòng QL Tài nguyên và Môi trường. - Lãnh đạo Ban	18 ngày		

	Thông báo thu phí; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra; Văn bản thông báo công khai nội dung đề xuất cấp giấy phép môi trường. . Tổ chức thẩm định. . Dự thảo văn bản thông báo kết quả thẩm định (cấp giấy phép môi trường/thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung/không thông qua) và trình ký. + Không đủ điều kiện: Trình dự thảo văn bản trả kết quả hồ sơ. - Xem xét, ký duyệt kết quả				
Bước 4	Nhận và trả kết quả cho doanh nghiệp.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			20 ngày		
<i>a2) Lưu đồ xử lý sau khi chỉnh sửa, bổ sung: 05 ngày (Đối với trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải - Nộp hồ sơ phê duyệt).</i>					
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ hợp lệ từ Nhà đầu tư - Số hóa hồ sơ - Chuyển hồ sơ về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày	Không quy định	
Bước 2	- Phân công hồ sơ.	Lãnh đạo phòng QL Tài nguyên và Môi trường.	1 ngày		
Bước 3	- Kiểm tra hồ sơ: + Đủ điều kiện: Dự thảo Giấy phép môi trường, trình ký	- Phòng QL Tài nguyên và Môi trường. - Lãnh đạo Ban	3 ngày		

	+ Không đủ điều kiện: Trình dự thảo văn bản trả kết quả hồ sơ. - Xem xét, ký duyệt kết quả				
Bước 4	Nhận và trả kết quả cho doanh nghiệp.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày		
<i>b) Trường hợp 2: 30 ngày (Đối với trường hợp còn lại)</i>					
<i>b1) Lưu đồ thẩm định: 30 ngày (Đối với trường hợp còn lại - Nộp hồ sơ thẩm định)</i>					
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ hợp lệ từ Nhà đầu tư - Số hóa hồ sơ - Chuyển hồ sơ về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày	Phụ lục Phí, lệ phí lĩnh vực Môi trường đính kèm	
Bước 2	- Phân công hồ sơ.	Lãnh đạo phòng QL Tài nguyên và Môi trường.	1 ngày		
Bước 3	- Kiểm tra hồ sơ: + Đủ điều kiện: . Dự thảo văn bản tham vấn ý kiến công ty hạ tầng, tổ chức khác theo quy định; Thông báo thu phí; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra; Văn bản thông báo công khai nội dung đề xuất cấp giấy phép môi trường. . Tổ chức thẩm định. . Dự thảo văn bản thông báo kết quả thẩm định (cấp giấy phép môi trường/thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung/không thông qua) và trình ký.	- Phòng QL Tài nguyên và Môi trường. - Lãnh đạo Ban	28 ngày		

	+ Không đủ điều kiện: Trình dự thảo văn bản trả kết quả hồ sơ. - Xem xét, ký duyệt kết quả				
Bước 4	Nhận và trả kết quả cho doanh nghiệp.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			30 ngày		
<i>b2) Lưu đồ xử lý sau khi chỉnh sửa, bổ sung: 15 ngày (Đối với trường hợp còn lại - Nộp hồ sơ phê duyệt)</i>					
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ hợp lệ từ Nhà đầu tư - Số hóa hồ sơ - Chuyển hồ sơ về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày	Không quy định	
Bước 2	- Phân công hồ sơ.	Lãnh đạo phòng QL Tài nguyên và Môi trường.	0,5 ngày		
Bước 3	- Kiểm tra hồ sơ: + Đủ điều kiện: Dự thảo Giấy phép môi trường, trình ký + Không đủ điều kiện: Trình dự thảo văn bản trả kết quả hồ sơ. - Xem xét, ký duyệt kết quả	- Phòng QL Tài nguyên và Môi trường. - Lãnh đạo Ban	13,5 ngày		
Bước 4	Nhận và trả kết quả cho doanh nghiệp.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày		
2. Cấp đổi giấy phép môi trường (10 ngày). Mã thủ tục: 1.010728.000.00.00.H19 - Toàn trình					
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ hợp lệ từ Nhà đầu tư - Số hóa hồ sơ - Chuyển hồ sơ về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày		

Bước 2	- Phân công hồ sơ.	Lãnh đạo phòng QL Tài nguyên và Môi trường.	1 ngày		
Bước 3	- Kiểm tra hồ sơ: + Đủ điều kiện: Dự thảo Giấy phép môi trường cấp đổi, trình ký + Không đủ điều kiện: Trình dự thảo văn bản trả kết quả hồ sơ. - Xem xét, ký duyệt kết quả	- Phòng QL Tài nguyên và Môi trường. - Lãnh đạo Ban	8 ngày		
Bước 4	Nhận và trả kết quả cho doanh nghiệp.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày		
3. Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (25 ngày). Mã thủ tục:1.010729.000.00.00.H19 - Toàn trình					
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ hợp lệ từ Nhà đầu tư - Số hóa hồ sơ - Chuyển hồ sơ về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày	Phụ lục Phí, lệ phí lĩnh vực Môi trường đính kèm	
Bước 2	- Phân công hồ sơ.	Lãnh đạo phòng QL Tài nguyên và Môi trường.	01 ngày		
Bước 3	- Kiểm tra hồ sơ: + Đủ điều kiện: Thẩm định hồ sơ và Dự thảo Giấy phép môi trường điều chỉnh, trình ký. + Không đủ điều kiện: Trình dự thảo văn bản trả kết quả hồ sơ. - Xem xét, ký duyệt kết quả	- Phòng QL Tài nguyên và Môi trường. - Lãnh đạo Ban	23 ngày		
Bước 4	Nhận và trả kết quả cho doanh nghiệp.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày		

Tổng cộng thời gian giải quyết			25 ngày		
4. Cấp lại giấy phép môi trường. Mã thủ tục: 1.010730.000.00.00.H19 – Một phần					
<i>a) Trường hợp 1: 20 ngày (Đối với trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải).</i>					
<i>a1) Lưu đồ thẩm định hồ sơ: 20 ngày (Đối với trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải - Nộp hồ sơ thẩm định).</i>					
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ hợp lệ từ Nhà đầu tư - Số hóa hồ sơ - Chuyển hồ sơ về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày	Phụ lục Phí, lệ phí lĩnh vực Môi trường đính kèm	
Bước 2	- Phân công hồ sơ.	Lãnh đạo phòng QL Tài nguyên và Môi trường.	01 ngày		
Bước 3	- Kiểm tra hồ sơ: + Đủ điều kiện: . Dự thảo văn bản tham vấn ý kiến công ty hạ tầng, tổ chức khác theo quy định; Thông báo thu phí; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra; Văn bản thông báo công khai nội dung đề xuất cấp giấy phép môi trường. . Tổ chức thẩm định. . Dự thảo văn bản thông báo kết quả thẩm định (cấp giấy phép môi trường/thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung/không thông qua) và trình ký. + Không đủ điều kiện: Trình dự thảo văn bản trả kết quả hồ sơ.	- Phòng QL Tài nguyên và Môi trường. - Lãnh đạo Ban	18 ngày		

	- Xem xét, ký duyệt.				
Bước 4	Nhận và trả kết quả cho doanh nghiệp.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			20 ngày		
<i>a2) Lưu đồ xử lý sau khi chỉnh sửa bổ sung: 05 ngày (Đối với trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải - Nộp hồ sơ phê duyệt).</i>					
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ hợp lệ từ Nhà đầu tư - Số hóa hồ sơ - Chuyển hồ sơ về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày	Không quy định	
Bước 2	- Phân công hồ sơ.	Lãnh đạo phòng QL Tài nguyên và Môi trường.	01 ngày		
Bước 3	- Kiểm tra hồ sơ: + Đủ điều kiện: Dự thảo Giấy phép môi trường, trình ký + Không đủ điều kiện: Trình dự thảo văn bản trả kết quả hồ sơ. - Xem xét, ký duyệt.	- Phòng QL Tài nguyên và Môi trường. - Lãnh đạo Ban	03 ngày		
Bước 4	Nhận và trả kết quả cho doanh nghiệp.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày		
<i>b) Trường hợp 2: 30 ngày (Đối với trường hợp còn lại)</i>					
<i>b1) Lưu đồ thẩm định hồ sơ: 30 ngày (Đối với trường hợp còn lại - Nộp hồ sơ thẩm định)</i>					
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ hợp lệ từ Nhà đầu tư - Số hóa hồ sơ - Chuyển hồ sơ về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày	Phụ lục Phí, lệ phí lĩnh vực Môi trường đính kèm	

Bước 2	- Phân công hồ sơ.	Lãnh đạo phòng QL Tài nguyên và Môi trường.	01 ngày		
Bước 3	- Kiểm tra hồ sơ: + Đủ điều kiện: . Dự thảo văn bản tham vấn ý kiến (nếu có); Thông báo thu phí; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra; Văn bản thông báo công khai nội dung đề xuất cấp giấy phép môi trường. . Tổ chức thẩm định. . Dự thảo văn bản thông báo kết quả thẩm định (cấp giấy phép môi trường/thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung/không thông qua) và trình ký. + Không đủ điều kiện: Trình dự thảo văn bản trả kết quả hồ sơ. - Xem xét, ký duyệt.	- Phòng QL Tài nguyên và Môi trường. - Lãnh đạo Ban	28 ngày		
Bước 4	Nhận và trả kết quả cho doanh nghiệp.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			30 ngày		
<i>b2) Lưu đồ xử lý sau khi chỉnh sửa bổ sung: 15 ngày (Đối với trường hợp còn lại - Nộp hồ sơ phê duyệt)</i>					
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ hợp lệ từ Nhà đầu tư - Số hóa hồ sơ - Chuyển hồ sơ về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày	Không quy định	
Bước 2	- Phân công hồ sơ.	Lãnh đạo phòng QL Tài nguyên và Môi trường.	1 ngày		

Bước 3	- Kiểm tra hồ sơ: + Đủ điều kiện: Dự thảo Giấy phép môi trường, trình ký + Không đủ điều kiện: Trình dự thảo văn bản trả kết quả hồ sơ. - Xem xét, ký duyệt.	- Phòng QL Tài nguyên và Môi trường. - Lãnh đạo Ban	13 ngày		
Bước 4	Nhận và trả kết quả cho doanh nghiệp.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày		
5. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Mã thủ tục: 1.010733.000.00.00.H19 – Một phần					
<i>a) Lưu đồ thẩm định: 30 ngày (nộp hồ sơ thẩm định)</i>					
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ hợp lệ từ Nhà đầu tư - Số hóa hồ sơ - Chuyển hồ sơ về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày	Phụ lục Phí, lệ phí lĩnh vực Môi trường đính kèm	
Bước 2	- Phân công hồ sơ.	Lãnh đạo phòng QL Tài nguyên và Môi trường.	01 ngày		
Bước 3	- Kiểm tra hồ sơ: + Đủ điều kiện: . Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; Thông báo thu phí; Thông báo khảo sát thực tế; Dự thảo văn bản tham vấn ý kiến (nếu có); . Tổ chức thẩm định. . Dự thảo văn bản thông báo kết quả thẩm định (Quyết định phê duyệt/thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung/không thông qua), trình ký.	- Phòng QL Tài nguyên và Môi trường. - Lãnh đạo Ban	28 ngày		

	+ Không đủ điều kiện: Trình dự thảo văn bản trả kết quả hồ sơ. - Xem xét, ký duyệt.				
Bước 4	Nhận và trả kết quả cho doanh nghiệp.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			30 ngày		
<i>b) Lưu đồ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 20 ngày (nộp hồ sơ phê duyệt)</i>					
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ hợp lệ từ Nhà đầu tư - Số hóa hồ sơ - Chuyển hồ sơ về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày	Không quy định	
Bước 2	- Phân công hồ sơ.	Lãnh đạo phòng QL Tài nguyên và Môi trường.	01 ngày		
Bước 3	- Kiểm tra hồ sơ: + Đủ điều kiện: Dự thảo Tờ trình phê duyệt và Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. + Không đủ điều kiện: Trình dự thảo văn bản trả kết quả hồ sơ. - Xem xét, ký duyệt kết quả hồ sơ: + Ký trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh + Ký trả kết quả hồ sơ không đạt (thực hiện tiếp bước 5).	- Phòng QL Tài nguyên và Môi trường. - Lãnh đạo Ban	13 ngày		
Bước 4	- Đủ điều kiện: Ký quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; công khai Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	05 ngày		

	- Không đủ điều kiện: Văn bản trả kết quả hồ sơ.				
Bước 5	Nhận và trả kết quả cho doanh nghiệp.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			20 ngày		

PHÍ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

I. Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đối với thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường - mã TTHC: 1.010733)

- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, mã TTHC: 1.010733:

+ *Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức họp Hội đồng:*

Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.500.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 12.000.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.000.000 đồng.

Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 6.900.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 8.500.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 15.000.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 16.000.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng.

Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 7.500.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 9.500.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 17.000.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 18.000.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng.

Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 10.000.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 11.700.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 19.200.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.200.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 26.000.000 đồng.

Nhóm 5: Dự án giao thông:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 8.100.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 10.000.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 18.000.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.000.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng.

Nhóm 6: Dự án công nghiệp:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 8.400.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 10.500.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 19.000.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.000.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 26.000.000 đồng.

Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6):

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.800.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.000.000 đồng.
 Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 15.600.000 đồng.

+ *Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức họp lấy ý kiến cơ quan, tổ chức liên quan:*

Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.600.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 8.400.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 9.800.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 11.900.000 đồng.

Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 4.900.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.500.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 11.200.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng.

Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.300.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.700.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 11.900.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.600.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng.

Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 7.000.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 8.200.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 13.500.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.200.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 18.200.000 đồng.

Nhóm 5: Dự án giao thông:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.700.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 7.000.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 12.600.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng.

Nhóm 6: Dự án công nghiệp:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.900.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 7.400.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 13.300.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 18.200.000 đồng.

Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6):

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.200.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 7.600.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 8.400.000 đồng.

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 11.000.000 đồng.

II. Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Cấp Giấy phép môi trường, mã TTHC - 1.010727; Cấp lại giấy phép môi trường, mã TTHC - 1.010730; Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường, mã TTHC - 1.010729).

2.1. Mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại Giấy phép môi trường:

- Dự án đầu tư, cơ sở đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh: 12.100.000 đồng.

- Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường phải có giấy phép môi trường quy định tại các điểm a, b khoản 4; khoản 5 Điều 28 Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

+ Cấp tỉnh: 14.650.000 đồng.

- Các dự án đầu tư, cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật bảo vệ môi trường hoạt động trước ngày Luật bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực:

+ Cấp tỉnh: 11.960.000 đồng.

- Các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 4.800.000 đồng.

2.2. Mức thu phí thẩm định cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường cấp tỉnh và cấp huyện: 5.600.000 đồng.

III. Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.